

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Số: 32-LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 1990

PHÁP LỆNH

HẢI QUAN

Để bảo đảm thực hiện chính sách của Nhà nước về phát triển quan hệ kinh tế, văn hoá với nước ngoài, góp phần tăng cường sự giao lưu và hợp tác quốc tế, bảo vệ lợi ích, chủ quyền và an ninh quốc gia;

Căn cứ vào các Điều 21, 46 và 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định chế độ quản lý Nhà nước về hải quan.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tạo điều kiện thuận tiện đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh qua biên giới Việt Nam trên cơ sở tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động hải quan mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc công nhận.

Điều 2

1- Ranh giới kiểm tra hải quan của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường biên giới quốc gia.

2- Hàng hoá, hành lý, ngoại hối, tiền Việt Nam, bưu kiện, bưu phẩm, các đồ vật và tài sản khác xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, mượn đường Việt Nam (sau đây gọi chung là đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan), khi qua biên giới Việt Nam đều chịu sự quản lý Nhà nước về hải quan theo quy định của Pháp lệnh này.

3- Khi cần thiết, Nhà nước Việt Nam quy định khu vực miễn kiểm tra hải quan.

Điều 3

1- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do Pháp lệnh này quy định, Hải quan Việt Nam thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, mượn đường Việt Nam; đấu tranh chống buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hoá, ngoại hối, tiền Việt Nam qua biên giới.

2- Trong hoạt động của mình, Hải quan Việt Nam tuân theo pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động hải quan mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc công nhận.

Điều 4

1- Trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hải quan Việt Nam phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, các lực lượng vũ trang, cơ quan Nhà nước khác, tổ chức xã hội, dựa vào nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

2- Chính quyền địa phương các cấp, các lực lượng vũ trang, cơ quan Nhà nước khác, tổ chức xã hội và mọi công dân có trách nhiệm cộng tác, giúp đỡ Hải quan Việt Nam làm tròn nhiệm vụ; góp ý kiến phê bình, xây dựng Hải quan Việt Nam; khiếu nại, tố cáo việc làm sai trái của nhân viên hải quan và yêu cầu họ thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HẢI QUAN VIỆT NAM

Điều 5

1- Hải quan Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hội đồng bộ trưởng.

Tổ chức Hải quan Việt Nam bao gồm:

- Tổng cục Hải quan;
- Hải quan tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;
- Hải quan cửa khẩu, Đội kiểm soát hải quan.

2- Địa bàn hoạt động của Hải quan Việt Nam bao gồm: khu vực cửa khẩu; cảng biển, cảng sông quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; bưu điện quốc tế; khu vực kiểm soát hải

quan dọc theo biên giới, bờ biển, hải đảo, vùng tiếp giáp lãnh hải và những địa điểm khác ở nội địa do Pháp lệnh này quy định.

3- Phạm vi địa bàn hoạt động cụ thể của Hải quan Việt Nam, khu vực kiểm soát hải quan; tổ chức bộ máy, hệ thống chức vụ, chế độ phục vụ, cờ hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, giấy chứng minh hải quan do Hội đồng bộ trưởng quy định.

4- Hải quan Việt Nam được trang bị phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ, vũ khí cần thiết để làm nhiệm vụ.

Điều 6

Hải quan Việt Nam có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Tiến hành thủ tục hải quan, thực hiện kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan theo quy định của Pháp lệnh này;

2- Bảo đảm thực hiện quy định của Nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu, về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các nghĩa vụ khác trong phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định;

3- Tiến hành những biện pháp phát hiện, ngăn ngừa, điều tra và xử lý hành vi buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hoá, ngoại hối, tiền Việt Nam qua biên giới, hành vi vi phạm các quy định khác của Nhà nước về hải quan trong phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định;

4- Thực hiện thống kê Nhà nước về hải quan;

5- Kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, mượn đường Việt Nam, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của Nhà nước về hải quan;

6- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hải quan;

7- Hợp tác quốc tế với Hải quan các nước.

Điều 7

1- Nhân viên hải quan phải là người có phẩm chất chính trị, kiến thức pháp luật; hiểu biết chính sách của Nhà nước về quan hệ kinh tế, văn hoá với nước ngoài, về giao lưu và hợp tác quốc tế; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tính tổ chức và kỷ luật.

2- Nhân viên hải quan có nghĩa vụ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước, Điều lệnh, Điều lệ của Hải quan Việt Nam; tôn trọng và bảo vệ tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân.

Điều 8

Công dân Việt Nam phục vụ trong Hải quan Việt Nam được coi là làm nghĩa vụ quân sự, được hưởng lương, phụ cấp thâm niên và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 9

Nhân viên hải quan có thành tích thì tùy theo công trạng được tặng thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng khác; nếu bị thương, bị bệnh hoặc bị chết trong khi làm nhiệm vụ thì bản thân và gia đình được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 10

1- Nhân viên hải quan vi phạm Điều lệnh, Điều lệ của Hải quan Việt Nam thì bị xử lý kỷ luật; nếu phạm tội thì bị truy tố trước Toà án nhân dân.

2- Thiệt hại vật chất do nhân viên hải quan gây ra đối với tổ chức và cá nhân trong khi thi hành nhiệm vụ phải được cơ quan hải quan hữu quan bồi thường.

Điều 11

Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở hoặc chống nhân viên hải quan thi hành nhiệm vụ.

CHƯƠNG III

THỦ TỤC HẢI QUAN

Điều 12

1- Thủ tục hải quan bao gồm:

- a) Khai báo và nộp tờ khai hải quan; nộp hoặc xuất trình giấy phép và các giấy tờ cần thiết khác theo quy định của pháp luật;
- b) Đưa các đối tượng kiểm tra hải quan đến địa điểm quy định để kiểm tra;
- c) Làm nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nộp lệ phí hải quan.

2- Sau khi làm thủ tục hải quan, nhân viên hải quan xác nhận việc hoàn thành thủ tục hải quan vào tờ khai hải quan.

3- Thủ tục hải quan phải công khai, nhanh chóng và thuận tiện.

Hội đồng bộ trưởng quy định cụ thể thủ tục hải quan và lệ phí hải quan.

Điều 13

Nhân viên hải quan phải có thái độ văn minh, lịch sự và có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm thủ tục hải quan.

Điều 14

Đối tượng kiểm tra hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan được phép xuất ra nước ngoài hoặc nhập vào và lưu thông trong nội địa Việt Nam.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

MỤC 1

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 15

1- Hàng hoá, hành lý, ngoại hối, tiền Việt Nam, bưu kiện, bưu phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi làm thủ tục hải quan phải chịu sự kiểm tra hải quan.

2- Hàng hoá, hành lý, ngoại hối, tiền Việt Nam, bưu kiện, bưu phẩm, phương tiện vận tải đã nhập nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan hoặc đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa thực xuất đều chịu sự giám sát hải quan.

Điều 16

Thời gian chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan được tính:

- 1- Từ thời điểm Hải quan tiếp nhận đối tượng kiểm tra, giám sát cho đến khi thực xuất;
- 2- Từ thời điểm Hải quan tiếp nhận đối tượng kiểm tra, giám sát nhập tới cửa khẩu đầu tiên cho đến khi hoàn thành thủ tục hải quan.

Điều 17

1- Việc kiểm tra hải quan được tiến hành với sự có mặt của chủ đối tượng kiểm tra hoặc đại diện hợp pháp tại địa điểm kiểm tra hải quan ở cửa khẩu hoặc tại địa điểm khác ở nội địa được Hải quan chấp nhận.